CÔNG TY CP -TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một - TP. Hồ Chí Minh
ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522
Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctnmt@biwase.com.vn

VILAS 817

BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: **NC 07/07.01.2026**

Ngày phát hành kết quả: 12/01/2026

- Tên khách hàng: **Công ty TNHH MTV Nước Biwase Bình Phước**
- Tên mẫu: Nước sau xử lý
- Địa chỉ: Đường D1, KCN Becamex khu A, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Ngày nhận mẫu 07/01/2026 Ngày phân tích: 07/01/2026
- Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong bình 2L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	*Coliform tổng số**	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
2	*E. coli**	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
3	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,2 – 1,0	0,3
4	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,25
5	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	0
6	Mùi	-	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,49
8	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	HACH Method 8038	≤ 1	0,05
9	Permanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,32
10	Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
11	Nhôm (Aluminium) (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,12
12	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
13	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	≤ 1000	61

*** Nhận xét:** Mẫu nước có các thông số phân tích phù hợp QCVN 01-1:2024/BYT.

*** Ghi chú:**

+ QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
+ KPH: Không phát hiện.
+ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
+ Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
+ (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng	Giám Đốc
Trần Thanh Trúc	Mai Thị Đẹp